

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 389/2024/DS-PT

Ngày: 21 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Nam.

Các Thẩm phán: bà Phạm Ngọc Giàu; ông Hồ Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 279/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST, ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 337/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Công Q, sinh năm 1968; bà Cao Thị N, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* ông Phạm Công Q là bị đơn trong vụ án;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-01-2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà và ông Q là bạn bè cùng đi học chung lớp quản lý giáo dục tại trường Cao Đẳng S thời gian từ năm 2015 -2016. Do ông Q mua đất, xây hàng rào và trả tiền ngân hàng thiếu tiền nên hỏi vay tiền bà và bà đã chuyển cho ông Q nhiều lần số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 19/9/2016 bà chuyển cho ông Q mượn số tiền 20.000.000 đồng qua dịch vụ V; người nhận là Phạm Công Q;

- Ngày 24/9/2016, bà chuyển cho ông Q mượn số tiền 30.000.000 đồng qua dịch vụ V, người nhận là Phạm Công Q;

- Ngày 2/9/2016, bà chuyển cho ông Q mượn số tiền 10.000.000 đồng qua dịch vụ V, người nhận là Phạm Công Q.

- Ngày 27/11/2016, bà chuyển cho ông Q qua dịch vụ V số tiền 25.000.000 đồng, người nhận là Phạm Công Q.

- Ngày 03/01/2017, bà chuyển cho ông Q mượn số tiền 30.000.000 đồng qua ngân hàng N1 – chi nhánh H, người nhận là Phạm Công Q.

- Ngày 02/3/2017, bà chuyển cho ông Q mượn số tiền 40.000.000 đồng qua ngân hàng N1 – chi nhánh H, người nhận là Phạm Công Q.

- Ngày 13/3/2017, bà chuyển cho ông Q mượn số tiền 20.000.000 đồng qua ngân hàng N1 – chi nhánh H, người nhận là Phạm Công Q.

- Ngày 03/01/2017, bà chuyển cho ông Q mượn số tiền 20.000.000 đồng qua ngân hàng N1 – chi nhánh H, người nhận là Phạm Công Q.

- Ngày 11/4/2017, bà chuyển cho Q mượn số tiền 40.000.000 đồng qua ngân hàng N1 – chi nhánh H, người nhận là Phạm Công Q.

- Ngày 11/5/2019, bà trả tiền góp hàng tháng ông Q nợ tiền Ngân hàng N2 số tiền 5.752.000 đồng để trả lãi ngân hàng.

- Ngày 12/6/2019, bà trả tiền góp hàng tháng cho ông Q nợ tiền Ngân hàng N2 số tiền 5.755.000 đồng.

- Ngày 12/8/2019, tôi trả tiền góp hàng tháng cho ông Q nợ tiền Ngân hàng N2 số tiền 5.755.000 đồng.

Tất cả các giấy chứng từ giao dịch tôi đều ghi nội dung chuyển tiền.

- Ngày 02/09/2017, ông Q mượn tiền mặt của tôi số tiền là 15.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ.

Tổng số tiền ông Q nợ bà là 267.262.000 đồng. Bà liên lạc nhiều lần nhưng ông Q không trả tiền cho bà. Đến năm 2022, bà nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu khởi kiện ông Q và bà N; ông Q đã trả cho bà được số tiền là 100.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì và hứa đến tháng 12/2023 thì trả hết tiền cho bà. Sau đó, bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án Gò Dầu đã ra quyết định đình chỉ số 177/2023 ngày 14/9/2023. Nhưng sau đó, ông Q không trả tiền cho bà như đã cam kết. Tại phiên tòa, bà rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 15.000.000 đồng ông Q mượn ngày 02/9/2017 nhưng không làm giấy tờ. Nay bà yêu cầu ông Q và bà N trả cho bà số tiền 152.262.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn- ông Q trình bày trình bày:

Ông và bà X quen biết nhau qua lớp học quản lý tại trường Cao Đẳng S vào năm 2016. Ông thừa nhận là bà X có chuyển cho ông số tiền như các giấy tờ bà X đã cung cấp. Nhưng các số tiền bà X chuyển cho ông không phải là tiền vay mà là chỉ là chuyển tiền qua lại với nhau. Bà X chuyển tiền cho ông và ông đã chuyển trả cho bà X xong rồi nhưng ông không có giấy tờ hay chứng cứ gì để chứng minh. Tất cả các giao dịch đều là giữa ông với bà X, vợ ông là bà N không biết. Nay ông không đồng trả tiền cho bà X vì ông không còn nợ bà X.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024, bị đơn - bà N trình bày:

Bà là vợ ông Phạm Công Q chung sống có đăng ký kết hôn năm 1992. Bà không quen biết bà X và cũng không vay mượn tiền của bà X. Việc giao dịch tiền là giữa chồng bà là ông Q với bà X, bà không biết nên không có trách nhiệm trả. Bà chỉ biết ông Q và bà X có quan hệ tình cảm với nhau, sử dụng tiền bạc chung. Bà không đồng ý với yêu cầu của bà X.

Tại Bản án sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với ông Phạm Công Q về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phạm Công Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 152.262.000 (một trăm năm mươi hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà X về việc yêu cầu ông Q và bà N trả số tiền 15.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, ông Phạm Công Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Tại phiên toà phúc thẩm: bà Cao Thị N và ông Phạm Công Q có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị X không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Q đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Q giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- ***Về tố tụng:*** việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** ông Q kháng cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Q giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của ông Phạm Công Q làm trong thời hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về nội dung:* Bà X khởi kiện yêu cầu ông Phạm Công Q và bà Cao Thị N hoàn trả cho bà số tiền mà ông Q vay của bà 152.262.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Phạm Công Q thừa nhận là bà X có chuyển khoản cho ông 152.262.000 đồng nhưng đây không phải là số tiền vay mà chỉ chuyển qua chuyển lại và ông đã chuyển trả hết cho bà X, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Bà Cao Thị N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà X vì cho rằng việc vay mượn tiền giữa bà X và ông Q không liên quan đến bà, ông Q cũng không sử dụng số tiền đó vào việc chăm lo cho gia đình.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Công Q thấy rằng:* ông Q thừa nhận ông có nhận số tiền chuyển khoản từ bà X theo các sao kê mà bà X đã cung cấp cho Tòa án đối với số tiền 152.262.000 đồng nhưng ông Q cho rằng giữa bà X và ông có mối quan hệ tình cảm hai bên chỉ chuyển qua chuyển lại mà không có việc vay mượn và ông Q đã chuyển trả cho bà X hết số tiền này là không có căn cứ vì bởi theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án lời trình bày của ông Q thể hiện bà X có chuyển cho ông Quân số tiền 152.262.000 đồng là có thật, nhưng ông Q không chứng minh được việc chuyển tiền trả cho bà X nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà X buộc ông Q hoàn trả cho bà X số tiền 152.262.000 đồng là có căn cứ. Ông Phạm Công Q kháng cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của ông Phạm Công Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Công Q;

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

Căn cứ các Điều 463, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với ông Phạm Công Q về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phạm Công Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 152.262.000 (một trăm năm mươi hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà X về việc yêu cầu ông Q và bà N trả số tiền 15.000.000 đồng.

3 Án phí sơ thẩm: ông Phạm Công Q phải chịu 7.613.000 (bảy triệu sáu trăm mười ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.182.000 (bốn triệu một trăm tám mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013898 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

4. Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Công Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Q đã nộp theo Biên lai thu số 0014297 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS h. Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Đường sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

Nguyễn Văn Nam